

Bản án số: 64/2019/HS-ST

Ngày 27/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông An Văn Dương

2. Ông Lê Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2019/TLST-HS ngày 06/11/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS ngày 13/11/2019 đối với các bị cáo:

1. K sinh năm 1981; tại xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn 15, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đ và bà H; vợ M và có 03 con lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Tsinh năm 1958, tại xã KC, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 13, xã KC, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông M (đã chết) và bà D (đã chết); vợ N và có 04 con lớn nhất 38 tuổi, nhỏ nhất 28 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K: Ông Đ sinh năm 1954; địa chỉ thôn 16, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; là bố đẻ bị cáo K; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Lê Trọng Kim là Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Kim - Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người bị hại: Anh L sinh năm 1979; địa chỉ thôn 17, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 22/12/2018 K phát hiện thấy con chó Becgie màu lông vàng đen của gia đình anh L đang chạy trước cửa nhà K. Thấy vậy, K liền nảy sinh ý định bắt trộm con chó để làm thịt, K đi vào trong nhà lấy miếng thịt lợn ném ra sân trước cửa nhà cho chó ăn, sau đó dụ con chó vào trong nhà, K đóng cửa lại rồi xua con chó xuống nhà dưới. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày T đến nhà K để rủ K đi làm, K nói với T “Mới bắt trộm được con chó to lắm, có đánh đụng không” T đồng ý mua một đuôi chó. Cả hai xuống nhà dưới nơi có con chó đang bị nhốt, K dùng đoạn tre dài 67 cm, đường kính 04 cm đưa cho T đập vào đầu con chó, con chó không chết chạy lên nhà trên, T đưa gậy tre cho K, K cầm gậy tre đuổi theo con chó đập vào phần đầu con chó cho đến khi con chó nằm xuống, T tiếp tục cầm gậy tre đập cho con chó chết hẳn, rồi cả hai người khiêng con chó xuống bếp, do máu của con chó chảy nhiều nên T đã lấy vỏ chăn nhung màu đỏ và ruột chăn bông màu trắng, để lau toàn bộ vết máu của chó, T bảo K đun nước sôi để làm thịt chó, còn T quay về nhà tìm thêm người mua thịt chó. Đến 14 giờ 15 phút cùng ngày Công an xã KT phát hiện lập biên bản sự việc và đã thu giữ 01 con chó lông màu vàng khói, 01 ruột chăn bông, 01 vỏ chăn nhung, 01 gậy tre. Sau đó chuyển vụ án đến Công an huyện YK để giải quyết; Công an huyện YK đã tiến hành cân xác định khối lượng con chó là 24 kg.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 02/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện YK kết luận: Con chó K trộm cắp của anh L trị giá là 22.000.000 đồng.

Kết luận giám định pháp y kết luận “Trước, trong khi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can K có hội chứng nghiện rượu; theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.2. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi”.

Cáo trạng số 66/CT-VKSYK ngày 04/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố bị cáo K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến tháng 24 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Tại bản bào chữa gửi cho Tòa án, ông Lê Trọng Kim bào chữa cho bị cáo K trình bày: Bị cáo K bị Viện kiểm sát truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: “Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo thành khẩn khai báo, nhận rõ tội lỗi của mình và thật sự ăn năn hối hận; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo K khai: Khoảng 7 giờ ngày 22/12/2018 K thấy con chó Becgie chạy trước cửa nhà, nên nảy sinh ý định bắt trộm con chó, K lấy miếng thịt lợn ném đề nhử con chó vào trong nhà, rồi đóng cửa lại và xua con chó xuống nhà dưới. Khoảng 11 T đến K nói với T “Mới bắt trộm được con chó to lắm, có đánh đụng không” T đồng ý mua một đuôi chó. Cả hai đã dùng đoạn tre đập con chó chết; đến 14 giờ 15 phút thì Công an xã KT phát hiện lập biên bản.

Bị cáo T khai: Khoảng 11 giờ ngày 22/12/2018 Đến nhà K đề rủ đi làm, K nói với T “Mới bắt trộm được con chó to lắm, có đánh đụng không” T đồng ý mua một đuôi chó; rồi cả hai đã dùng đoạn tre đập con chó chết, đến 14 giờ 15 phút thì Công an xã KT phát hiện lập biên bản.

Nói lời sau cùng bị cáo K và bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 7 giờ ngày 22/12/2018 con chó Becgie của gia đình anh L đang chạy trước cửa nhà K, K lấy miếng thịt lợn ném ra sân dụ con chó vào trong nhà đóng cửa lại, rồi xua con chó xuống nhà dưới. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày T đến rủ K đi làm, K nói với T “Mới bắt trộm được con chó to lắm, có đánh đụng không” T đồng ý và cả hai xuống nhà dưới nơi có con chó đang bị nhốt, dùng đoạn tre đập

cho con chó chết, T bảo K đun nước sôi để làm thịt chó, còn T quay về nhà tìm thêm người mua thịt chó. Đến 14 giờ 15 phút cùng ngày Công an xã KT phát hiện lập biên bản sự việc.

Hành vi lén lút bắt và chiếm đoạt 01 con chó của gia đình anh L, con chó trị giá là 22.000.000 đồng, của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong xã hội, hành vi của bị cáo K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T, không hứa hẹn trước với K, sau khi nghe K nói rõ là K đã trộm cắp được một con chó và bảo T đánh đập, T đã đồng ý và cùng với K đánh chết con chó để làm thịt. Hành vi của T đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố bị cáo K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình và bị cáo T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo K và bị cáo T đều không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo K và bị cáo T đều “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vào giá trị tài sản chiếm đoạt; vào tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với bị cáo K cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo có như vậy mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có hội chứng nghiện rượu theo bệnh có mã số F10.2, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo.

- Đối với bị cáo T có nhân thân tốt, bị cáo tuổi cao, thuộc hộ cận nghèo, có nơi cư trú rõ ràng; do vậy, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T là phù hợp. Do bị cáo tuổi cao, thuộc hộ cận nghèo nên miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh L đã nhận lại con chó và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 con chó, 01 cây tre; 01 ruột chần bông, 01 vỏ chần nhung.

- Về con chó là tài sản của anh L, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L là đúng pháp luật.

- Đối với 01 đoạn cây tre, 01 ruột chần bông, 01 vỏ chần nhung là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo K bị xử có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T thuộc hộ cận nghèo, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thỏa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: K 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc K phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã KC, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 gậy tre, 01 ruột chần bông, 01 vỏ chần nhung; vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YK với Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK.

5. Về án phí:

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Xuân Thỏa.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Công an huyện YK
- Bị cáo,
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lục